**HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN ĐỊA LÍ 8**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **I** |  |  | **2,0** |
| ***1*** | **Muốn xem trực tiếp bóng đá đó ở Anh, Ôxtraylia, Bra-xin thì phải xem vào ngày, giờ sau:** | **1,0** |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Địa điểm | Anh | Ôxtraylia | Bra-xin | | Giờ | 12 giờ 30 | 22 giờ 30 | 9 giờ 30 | | Ngày, tháng | 9/1/2023 | 9/1/2023 | 9/1/2023 |   (HS tính đúng 1 địa điểm thì cho 0,5 điểm, 2 địa điểm thì cho 0,75 điểm) |  |
| ***2*** | **Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời lại sinh ra hai thời kì nóng và lạnh luân phiên nhau ở hai nửa cầu trong một năm vì:** | **1,0** |
| - Do Trái Đất hình cầu, trục Trái Đất nghiêng và không đổi hướng trong khi chuyển động trên quỹ đạo quanh Mặt Trời, nên Trái Đất có lúc ngả nửa cầu Bắc, có lúc ngả nửa cầu Nam về phía Mặt Trời.  - Nửa cầu nào ngả về phía Mặt Trời, thì có góc chiếu lớn, nhận được nhiều ánh sáng và nhiệt. Lúc ấy là mùa nóng ở nửa cầu đó. Nửa cầu nào không ngả về phía Mặt Trời thì có góc chiếu nhỏ, nhận được ít ánh sáng và nhiệt. Lúc ấy là mùa lạnh của nửa cầu đó. Trong cùng 1 thời điểm nửa cầu này là mùa lạnh thì nửa caauf kia là mùa nóng v à ngược lại | 0,5  0,5 |
| **II** |  |  | **3,0** |
| ***1*** | **Trình bày sự đa dạng của cảnh quan tự nhiên ở châu Á** | **1,0** |
|  | *\* Cảnh quan tự nhiên châu Á phân hóa rất đa dạng với nhiều loại:*  - Rừng lá kim (tai-ga) có diện tích rất rộng, phân bố chủ yếu ở đồng bằng Tây Xi-bia, sơn nguyên Trung Xi-bia và một phần ở Đông Xi-bia.  - Rừng cận nhiệt ở Đông Á và rừng nhiệt đới ẩm ở Đông Nam Á và Nam Á là các loại rừng giàu bậc nhất thế giới. Trong rừng có nhiều loại gỗ tốt, nhiều động vật quý hiếm.  - Ngoài ra, ở châu Á còn có các cảnh quan: đài nguyên, rừng hỗn hợp và rừng lá kim, thảo nguyên, rừng và cây bụi lá cứng địa trung hải, xavan và cây bụi, hoang mạc và bán hoang mạc, cảnh quan núi cao.  *\* Nguyên nhân phân bố của một số cảnh quan*: do khí hậu có sự phân hóa đa dạng từ xuống nam khí hậu phân hóa thành 5 đới, trong mỗi đói khí hậu lại có sự phân hóa thành nhiều kiểu khí hậu khác nhau ,... | *0,75*  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***2,0*** | **Những thành tựu về nông nghiệp của các nước châu Á được biểu hiện như thế nào? Tại sao cây lúa gạo được trồng nhiều nhất ở châu Á?** | **2,0** |
|  | *\*Thành tựu về nông nghiệp của các nước châu Á:*  - Châu Á chiếm gần 93% sản lượng lúa gạo và 39% sản lượng lúa mì toàn thế giới (năm 2003)  - Trung Quốc và Ấn Độ là hai quốc gia sản xuất nhiều lúa gạo nhất thế giới  - Thái Lan, Việt Nam là những nước xuất khẩu gạo đứng thứ nhất và thứ hai thế giới  *\*Cây lúa gạo được trồng nhiều nhất ở châu Á vì:*  - Châu Á có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi cho cây lúa phát triển : có các đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất đai màu mỡ (như đồng bằng Ấn - Hằng, đồng bằng sông Mê Công, đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Hoa Nam,...), sông ngòi phát triển nguồn nước dồi dào, vừa cung cấp nước cho sản xuất và bồi đắp phù sa; khí hậu nhiệt đới và cận nhiệt đới gió mùa với lượng mưa lớn,... thích hợp với điều kiện sinh thái của cây lúa gạo  - Lúa gạo là cây trồng truyền thống, lâu đời ở châu Á, đồng thời đây cũng là cây lương thực chính của nhiều nước ở châu Á và đây cũng là châu lục có dân số đông nhất thế giới với nhiều quốc gia đông dân nên cần phải đẩy mạnh sản xuất lúa gạo đáp ứng nhu cầu trong nước và phục vụ xuất khẩu.  - Nguồn lao động ở châu Á dồi dào, người dân có nhiều kinh nghiệm trong việc thâm canh lúa gạo. .... | *0,75*  0,25  0,25  0,25  *1,25*  0,5  0,5  0,25 |
| **III** |  |  | **6,0** |
| ***1*** | **Chứng minh và giải thích tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của khí hậu nước ta** | ***3,0*** |
|  | *\*Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm:*  - Tính chất nhiệt đới:  + Bầu trời nhiệt đới quanh năm chan hòa ánh nắng đã cung cấp cho nước ta một nguồn nhiệt năng to lớn. Bình quân 1m2  lãnh thổ nhận được trên 1 triệu kilôcalo, Số giờ nắng đạt từ 1400 -> 3000 giờ trong một năm.  + Nhiệt độ TB năm của không khí đều > 210C và tăng dần từ Bắc vào Nam  + Cân bằng bức xạ dương quanh năm.  - Tính chất gió mùa: Khí hậu nước ta chia thành 2 mùa rõ rệt phù hợp với hai mùa gió. Mùa đông có gió mùa Đông Bắc lạnh khô, mùa hạ có gió mùa Tây Nam và Đông Nam nóng ẩm.  - Tính chất ẩm:  + Lượng mưa TB năm lớn từ 1500 – 2000mm. Ở những sườn núi đón gió biển và các khối núi cao, lượng mưa TB năm có thể lên đến 3500 – 4000mm  + Độ ẩm không khí cao >80%, cân bằng ẩm luôn dương.  *\* Giải thích:*  - Tính chất nhiệt đới: Do vị trí địa lí nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến. Hằng năm lãnh thổ nước ta nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn do góc nhập xạ lớn và ở mọi nơi trong năm đều có hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.  - *Gió mùa*: VN nằm ở trung tâm châu Á gió mùa, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ.  *- Lượng mưa, ẩm lớn*: do vị trí giáp biển Đông – nguồn dự trữ nhiệt ẩm dồi dào, các khối khí di chuyển qua biển đã mang lại cho nước ta lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao. | *1,5*  0,5  0,25  0,25  0,25  0,25  *1,5*  0,5  0,5  0,5 |
|  | ***2*** | **Tác động của dãy Trường Sơn Bắc đến địa hình, khí hậu, sông ngòi Bắc Trung Bộ.** | ***2,0*** |
|  |  | ***Dãy Trường Sơn Bắc chạy liên tục dọc phía Tây vùng Bắc Trung Bộ từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã theo hướng Tây Bắc-Đông Nam*** ***với địa thế thấp, hẹp và được nâng cao ở hai đầu., phần giữa trũng, thấp. Nó tác động mạnh đến các yếu tố tự nhiên của vùng:***  *\* Địa hình*  - Góp phần hình thành các dạng địa hình của vùng: đồng bằng, ven biển.  - Quy định hướng địa hình: Tây Bắc- Đông Nam thể hiện qua các dãy núi song song và so le nhau  - Chạy sát biển kết hợp các dãy núi đâm ngang ra biển (Hoành Sơn, Bạch Mã): Đồng bằng nhỏ, hẹp ngang, bị chia cắt manh mún.  *\* Sông ngòi*  - Dãy Trường Sơn Bắc là nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới đặc điểm sông ngòi của vùng, đặc biệt là chiều dài, diện tích lưu vực, hướng chảy và tốc độ dòng chảy.  - Núi chạy sát biển nên sông ngắn, dốc, chuyển tiếp nhanh từ miền núi – đồng bằng – ra biển, hàm lượng phù sa ít.  - Hướng núi Tây Bắc – Đông Nam làm cho hướng sông hầu hết là hướng Tây – Đông. | 0,5    0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***3*** | **Kể tên các sông lớn của Thanh Hóa? Tại sao sông ngòi Thanh Hóa có chế độ nước theo mùa** | ***1,0*** |
|  | *\* Các sông lớn của Thanh Hóa*: Sông Mã, sông Yên, sông Hoạt, sông Chu, sông Lạch Bạng, sông Bưởi, sông Lèn…  (HS kể ít hơn 4 sông thì cho 0,25 điểm)  *\* Sông ngòi Thanh Hóa có chế độ nước theo mùa vì:* Chế độ nước sông phụ thuộc chặt chẽ vào chế độ mưa của khí hậu. Khí hậu Thanh Hóa là khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có hai mùa rõ rệt nên sông ngòi Thanh Hóa có hai mùa nước mùa nước đầy và mùa nước cạn | 0,5  0,5 |
| **IV** |  |  | **4,0** |
| ***1*** | **Cho biết biểu hiện nào chứng tỏ khí hậu nước ta có sự phân hóa đa dạng theo không gian? Những nhân tố nào đã làm cho khí hậu nước ta phân hóa đa dạng như vậy?** | ***2,0*** |
| **- Khí hậu nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm nhưng không thuần nhất trên cả nước mà phân hóa rõ rệt theo không gian như sau:** ,  + Miền khí hậu phía bắc. Từ dãy Bặc Mã (vĩ tuyến 16o B) trở ra, có mùa đông lạnh, khô hanh, mùa hạ nóng ẩm mưa nhiều.  + Miền khí hậu phía Nam: Từ dãy Bặc Mã (vĩ tuyến 16o B) trở vào bao gồm phần Tây Nguyên và Nam Bộ khí hậu nóng quanh năm Có 2 mùa: mùa mưa và mùa khô tương phản sâu sắc  + Khu vực khí hậu Đông Trường Sơn: Có mùa mưa lệch hẳn về thu đông.  + Khu vực khí hậu biển Đông Việt Nam : Bao gồm biển Đông Việt Nam có khí hậu nhiệt đới hải dương.  + Ngoài ra khí hậu còn có sự phân hóa theo độ cao ( khí hậu nhiệt đới, khí hậu cận nhiệt đới, khí hậu núi cao).và theo hướng sườn (sườn đóm gió mưa nhiều, sườn khuất gió mưa ít).  **- Những nhân tố làm cho khí hậu nước ta phân hóa theo không gian:**  + Vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ: Nước ta nằm hoàn toàn trong vành đai khí hậu nhiệt đới của nửa cầu Bắc nên nhận được lượng bức xạ Mặt Trời lớn, một năm có hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh. Lãnh thổ trải dài trên 15 vĩ tuyến nên khí hậu có sự khác biệt từ Bắc vào Nam.  + Địa hình: Nước ta có 3/4 diện tích là đồi núi, trong đó 85% là địa hình thấp dưới 1000m, 14% là núi trung bình, 1% là núi cao. Do đó khí hậu chịu sự chi phối của địa hình cả ở độ cao và hướng núi : | 0,25    0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***2*** | **Trình bày đặc điểm của dải đồng bằng ven biển miền Trung. Vì sao các đồng bằng duyên hải miền Trung (Trung Bộ) nhỏ hẹp, kém phì nhiêu?** | ***2,0*** |
| **\* Đặc điểm của dải đồng bằng ven biển miền Trung.**  - Tổng diện tích dải đồng bằng ven biển miền Trung khoảng 15 000 km2.  - Hình thành chủ yếu do phù sa sông biển bồi đắp, trong đó biển đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành dải đồng bằng này nên đất đai chủ yếu là đất cát pha, nghèo dinh dưỡng.  - Địa hình hẹp ngang và bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ, chỉ có đồng bằng Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nam, Phú Yên tương đối rộng.  - Ở các cửa sông lớn có một số đồng bằng được mở rộng, đất ở các đồng bằng này có đặc tính nghèo chất dinh dưỡng, nhiều cát , ít phù sa sông  - Các đồng bằng thường có sự phân chia thành ba dải: giáp biển là cồn cát, đầm phá, giữa là vùng thấp trũng, dải trong cùng đã được bồi tụ thành đồng bằng.  **\* Các đồng bằng duyên hải miền Trung (Trung Bộ) nhỏ hẹp, kém phì nhiêu do:**  - Các đồng bằng duyên hải Trung Bộ nhỏ hẹp vì khu vực có lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang (nơi hep nhất là 50 km), có các dãy núi chạy hướng Tây - Đông ăn lan ra sát biển chia cắt địa hình thành các thành các đồng bằng nhỏ hẹp, ví dụ: dãy Bạch Mã, Hoành Sơn... Mặt khác, sông ngòi ngắn nhỏ, ít phù sa, thềm lục địa hẹp và sâu nên quá trình bồi tụ phù sa sông diễn ra ít.  - Các đồng bằng này được hình thành do bồi tụ phù sa của các sông ngắn, ít phù sa và các vật liệu biển đất chủ yếu là đất cát pha nên kém phì nhiêu. | **1,25**  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  **0,75**  0,5  0,25 |
| **V** |  |  | **5,0** |
| ***1*** | ***Vẽ biểu đồ*** | ***3,0*** |
|  | **\*Vẽ biểu đồ:**  Yêu cầu:  - Vẽ biểu đồ kết hợp cột và đường  - Biểu đồ phải đảm bảo tính trực quan, khoa học, chia tỉ lệ chính xác và đầy đủ các yếu tố ( nếu thiếu mỗi yếu tố trừ 0,25 điểm).  ( Vẽ biểu đồ khác không cho điểm)  **\* Xử lí số liệu:**  - Tính năng suất cà phê của châu Á   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **1990** | **2000** | **2005** | **2010** | | Năng suất cà phê (tạ/ha) | 6,1 | 7,7 | 8,1 | 9,2 |   (Tính đúng mỗi năm được 0,25 điểm) | **2,0**  **1,0** |
| ***2*** | **Nhận xét:  *Giai đoạn 1990 - 2010:***  - Diện tích cà phê tăng từ 1428 nghìn ha (năm 1990) lên 2564 nghìn ha (năm 2010), tăng 1136 nghìn ha (tăng gấp 1,8 lần), nhưng không ổn định và tăng không đều qua các giai đoạn 1990 - 2000 và giai đoạn 2000 - 2010 (dẫn chứng).  - Sản lượng cà phê tăng liên tục từ 864 nghìn tấn (năm 1990) lên 2359 nghìn tấn (năm 2010), tăng 1495 nghìn tấn (tăng gấp 2,7 lần), nhưng tăng không đều qua các giai đoạn (dẫn chứng).  - Năng suất cà phê tăng liên tục từ 6,1 tạ/ha (năm 1990) lên 9,2 tạ/ha (năm 2010), tăng 3,1 tạ/ha (tăng gấp 1,5 lần).  - Sản lượng cà phê có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, tiếp đến là diện tích, còn năng suất có tốc độ tăng trưởng chậm nhất. | **2,0**  0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **Tổng** |  | **Câu I + Câu II + Câu III + Câu IV + Câu V** | **20,0** |